

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HS-ST
Ngày 08/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huệ
2. Ông Nguyễn Văn Diệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Đỗ Thị M, sinh ngày 29/8/1991 tại huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Bá B, sinh năm 1964 và bà: Lê Thị H, sinh năm 1966; chồng: Đặng Văn Ch, sinh năm 1986 (Đã ly hôn), con: Có 01 con sinh năm 2009, hiện đang ở với bố đẻ; tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/3/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Thái Bình.

(Bị cáo trích xuất có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Chị Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 22/12/2003; trú tại: Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Lê Đình T, sinh năm 1974 hoặc bà Ngô Thị H, sinh năm 1979 (bố mẹ đẻ); trú tại: Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại xin xét xử vắng mặt. Bị hại có đơn từ chối trợ giúp pháp lý).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Khắc T1, sinh năm 1958; trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- **Người làm chứng:** Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1996; trú tại: Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Ông T1, chị Ph vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 10 phút ngày 21/3/2020, Đỗ Thị M đi bộ một mình từ nhà ở thôn A, xã A, huyện Q đến quán MRTXX ở cùng thôn do chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1996 làm chủ, để mua bánh xèo. Đến nơi, thấy ngoài quán có để khoảng 05 chiếc xe các loại, trong quán có khoảng 04 khách đang ăn, uống, còn chị Ph chủ quán đang mải làm nên M nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy điện nhãn hiệu PAWA màu đỏ, biển biển kiểm soát 17MĐ5-0xx.xx của chị Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 22/12/2003, trú tại thôn L, xã A, huyện Q để ở ngoài cùng bên trái, vì chiếc xe này bị cánh cửa quán che khuất. M tiến lại, tay trái bám vào càng xe, tay phải cầm đuôi xe dắt ra đường theo hướng về thôn A, xã A rồi dắt xe đến nhà ông Nguyễn Khắc T1, sinh năm 1958, trú tại thôn Đ, xã A với mục đích vay tiền, để lại xe làm tin vì đã quen biết ông T1 từ trước. Khoảng 22 giờ cùng ngày, M dắt xe đến nói với ông T1: “*Cháu có chiếc xe máy điện của gia đình, cháu để tạm ở đây, chú cho cháu mượn 1.500.000 đồng. Cháu đang có việc cần tiền, mấy hôm nữa cháu trả và lấy xe*”. Ông T1 đồng ý, đưa cho M 1.500.000 đồng, M nhận tiền, dắt xe vào để vào quán ông T1 rồi đi ăn uống, chi tiêu cá nhân hết 500.000 đồng.

Ngày 22/3/2020, chị Lê Thị Ngọc A có đơn trình báo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ đề nghị giải quyết. Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra đã triệu tập M lên làm việc. Tại đây, M đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc xe máy điện nêu trên, đồng thời tự bỏ thêm 500.000 đồng vào số tiền 1.000.000 đồng còn lại trả ông T1 để lấy xe ra. Sau đó M mang chiếc xe trên giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại Biên bản kết luận định giá tài sản ngày 24/3/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Quỳnh Phụ kết luận *chiếc xe máy điện nhãn hiệu PAWA màu đỏ, biển biển kiểm soát 17MĐ5-0xx.xx có giá trị 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn)*.

Cáo trạng số 55/CT-VKSQP ngày 19/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố Đỗ Thị M về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Đỗ Thị M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trong bản Cáo trạng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đỗ Thị M và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Thị M mức án từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra, còn đề nghị về nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Trong phần tranh luận bị cáo Đỗ Thị M không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo Đỗ Thị M tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án (Bút lục số 83-111; 139-140); phù hợp với đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của bị hại là chị Lê Thị Ngọc A (Bút lục số: 01; 126-129); biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Khắc T1 (Bút lục số 122-125); biên bản ghi lời khai của người làm chứng là chị Nguyễn Thị Ph (Bút lục số 116-117). Ngoài ra hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Quỳnh Phụ lập hồi 10 giờ 10 phút ngày 23/3/2020 tại Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (Bút lục số: 07); Hình ảnh trích xuất từ camera của gia đình chị Nguyễn Thị Ph và Sơ đồ hiện

trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Quỳnh Phụ lập ngày 22/3/2020 (Bút lục 09-11; 50); Biên bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tổ tụng huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (Bút lục số 35) cùng nhiều tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 20 giờ 10 phút ngày 21/3/2020, tại quán MRTXX của chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1996, trú tại Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, bị cáo Đỗ Thị M đã có hành vi trộm cắp chiếc xe máy điện nhãn hiệu PAWA màu đỏ, biển kiểm soát 17MĐ5-0xx.xx trị giá 5.000.000 đồng của chị Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 22/12/2003 ở Thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình để mang đi làm tin mượn tiền chi tiêu cá nhân. Hành vi của bị cáo Đỗ Thị M đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi lợi dụng sơ hở của chủ tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản của họ mà bị cáo Đỗ Thị M đã thực hiện vào ngày 21/3/2020 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân nơi xảy ra vụ án. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật song vì là người nghiện ma túy, thường xuyên đi lang thang, ham chơi, lười lao động nên bị cáo đã lao vào con đường phạm tội. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian

nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Trong giai đoạn điều tra, bị hại là chị Lê Thị Ngọc A, đã được Cơ quan điều tra trả lại nguyên vẹn chiếc xe máy điện nhãn hiệu PAWA màu đỏ, biển kiểm soát 17MD5-0xx.xx. Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại tự nguyện không yêu cầu bị cáo Đỗ Thị M phải bồi thường thêm bất cứ khoản chi phí nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Đối với ông Nguyễn Khắc T1 là người đã cho bị cáo Đỗ Thị M mượn số tiền 1.500.000đ và đồng ý nhận chiếc xe máy điện để làm tin. Tuy nhiên ông T1 không biết chiếc xe trên là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông T1 là phù hợp. Số tiền 1.500.000đ bị cáo M đã mang trả đủ cho ông T1, ông T1 không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Đỗ Thị M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Thị M 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (27/3/2020).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Đỗ Thị M phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Đỗ Thị M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/6/2020); bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết, tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- CQĐT, CQTHAHS (Công an h. Quỳnh Phụ);
- Trạm tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- UBND xã A, huyện Q;
- Bị cáo;
- Bị hại, đại diện bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Phụng